TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **90**/2024/HS-ST
Ngày 29-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Chúc và bà Vũ Thị The

***Thư ký phiên toà*:** Ông Đào Tiến Đạt - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 83/2024/HSST ngày 12/8/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-HS ngày 15/8/2024, đối với bị cáo:

Bị cáo: **Đỗ Như C**, sinh năm 1965; nơi thường trú: Thôn Y, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tông giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Như B và con bà Nguyễn Thị S; vợ thứ nhất là Đỗ Thị K (đã chết), vợ thứ hai là Đỗ Thị Kim T và có 05 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 11/6/1984 bị Toà án nhân dân huyện Mỹ Văn, tỉnh Hải Hưng xử phạt 15 tháng tù về tội Cố ý huỷ hoại tài sản xã hội chủ nghĩa; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/5/2024 đến ngày 25/5/2024; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: Ngách 172, số 63 phường Đ, quận M, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: Thôn Y, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Thế C, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Y, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

3. Cháu Lê Thanh T, sinh ngày 09/9/2006; nơi cư trú: Thôn N, xã T1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện hợp pháp của cháu T: Anh Lê Văn V,

sinh năm 1982 và chị Hoàng Thị P, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn N, xã T1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. (Bố đẻ cháu T). Vắng mặt.

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn N, xã T1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Như C, sinh năm 1965, trú tại: Thôn Y, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên kinh doanh dịch vụ cầm đồ và cho vay, được Uỷ ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 05D800001794/HKD ngày 27/4/2007 và Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 73/GCN-CDD1 do Công an huyện Y cấp ngày 26/12/2018. Lợi dụng việc được cấp phép kinh doanh cho vay, muốn thu lời cao từ việc cho vay, nên trong khoảng thời gian từ ngày 27/9/2023 đến ngày 22/5/2024, Đỗ Như C đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất từ 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày đến 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày, tương đương lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm, cao hơn gấp 5,4 lần đến 9,1 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm). Quá trình điều tra, đã xác định Đỗ Như C cho 03 người vay với tổng số tiền gốc cho vay 196.000.000 đồng, tiền lãi đã thu được là 66.600.000 đồng, trong đó số tiền được phép thu là 12.333.300 đồng, số tiền thu lời bất chính là 54.266.700 đồng, cụ thể:

1. Đối với khoản vay của chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1980, HKTT: Nghách 172/63, phường Đ, quận M, thành phố Hà Nội, nơi ở: Thôn Y, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

C và chị H thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày, lãi thu theo tháng, không ấn định thời gian vay, khi thanh toán trả gốc mà không tròn tháng thì tính lãi theo ngày. Việc vay tiền được viết thành hợp đồng:

Lần thứ nhất: Ngày 27/9/2023, chị H vay 30.000.000 đồng. Chị H đã trả lãi đến ngày 27/4/2024 tổng số 18.900.000 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 22/5/2024 chị H còn phải trả là 2.250.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 29/9/2023, chị H vay 10.000.000 đồng. Chị H đã trả lãi từ tháng 10/2023 đến hết tháng 4/2024 tổng số 6.300.000 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 22/5/2024 chị H còn phải trả là 690.000 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 10/10/2023, chị H vay 10.000.000 đồng. Chị H đã trả lãi đến ngày 10/5/2024 tổng số 6.300.000 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 22/5/2024 chị H còn phải trả là 360.000 đồng.

Lần thứ tư: Ngày 01/11/2023, chị H vay 10.000.000 đồng. Chị H đã trả lãi đến ngày 01/5/2024 tổng số 5.400.000 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 22/5/2024 chị H còn phải trả là 630.000 đồng.

Lần thứ năm: Ngày 06/11/2023, chị H vay 10.000.000 đồng. Chị H đã trả lãi đến ngày 06/5/2024 tổng số 5.400.000 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 22/5/2024 chị H còn phải trả là 480.000 đồng.

Lần thứ sáu: Ngày 15/11/2023, chị H vay 10.000.000 đồng. Chị H đã trả lãi đến ngày 15/5/2024 tổng số 5.400.000 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 22/5/2024 chị H còn phải trả là 210.000 đồng.

Lần thứ bảy: Ngày 17/11/2023, chị H vay 10.000.000 đồng. Chị H đã trả lãi đến ngày 17/5/2024 tổng số 5.400.000 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 22/5/2024 chị H còn phải trả là 150.000 đồng.

Lần thứ tám: Ngày 08/12/2023, chị H vay 10.000.000 đồng. Chị H đã trả lãi đến ngày 08/5/2024 tổng số 4.500.000 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 22/5/2024 chị H còn phải trả là 420.000 đồng.

Lần thứ chín: Ngày 13/12/2023, chị H vay 5.000.000 đồng. Chị H đã trả lãi đến ngày 13/5/2024 tổng số 2.250.000 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 22/5/2024 chị H còn phải trả là 135.000 đồng.

Lần thứ mười: Ngày 19/12/2023, chị H vay 5.000.000 đồng. Chị H đã trả lãi đến ngày 19/5/2024 tổng số 2.250.000 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 22/5/2024 chị H còn phải trả là 45.000 đồng.

Lần thứ mười một: Ngày 20/01/2024, chị H vay 10.000.000 đồng. Chị H đã trả lãi đến ngày 20/5/2024 tổng số 3.600.000 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 22/5/2024 chị H còn phải trả là 60.000 đồng.

Lần thứ mười hai: Ngày 20/04/2024, chị H vay 10.000.000 đồng. Chị H đã trả lãi 01 lần vào ngày 20/5/2024 số tiền 900.000 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 22/5/2024 chị H còn phải trả là 60.000 đồng.

Tổng số tiền gốc C cho chị H vay là 130.000.000 đồng, đến nay chị H chưa trả. Số tiền lãi thu tính đến ngày 22/5/2024 sẽ là 72.090.000 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 72.090.000 đồng : 5,4 = 13.350.000 đồng, tiền lãi sẽ thu lời bất chính là 72.090.000 đồng - 13.350.000 đồng = 58.740.000 đồng. Số tiền lãi C đã thu được 66.600.000 đồng, trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 66.600.000 đồng : 5,4 = 12.333.300 đồng, số tiền đã thu lời bất chính là 66.600.000 đồng - 12.333.300 đồng = 54.266.700 đồng.

2. Đối với khoản vay của anh Nguyễn Thế C, sinh năm 1987 trú tại thôn Y, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

C và anh C thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày, lãi thu theo tháng, không ấn định thời gian vay:

Lần thứ nhất: Ngày 29/4/2024, anh C vay 20.000.000 đồng. C và anh C thỏa thuận trả lãi vào ngày 29 hàng tháng với tiền lãi là 1.800.000 đồng/ 1 tháng. Do chưa đến ngày thu trả lãi thì bị phát hiện nên C chưa thu khoản tiền lãi nào

của anh C. Tính đến ngày 22/5/2024, anh C sẽ phải trả lãi cho C là 24 ngày tương ứng với số tiền 1.380.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 06/5/2024, anh C vay 40.000.000 đồng. C và Cảnh thỏa thuận trả lãi vào ngày 06 hàng tháng với tiền lãi là 3.600.000 đồng/ tháng. Do chưa đến ngày phải thu trả lãi thì bị phát hiện nên C chưa thu khoản tiền lãi nào của anh C. Tính đến ngày 22/5/2024, anh C sẽ phải trả lãi cho C là 17 ngày tương ứng với số tiền 1.920.000 đồng.

Tổng số tiền gốc C cho anh C vay là 60.000.000 đồng, đến nay anh C chưa trả. Số tiền lãi tính đến ngày 22/5/024 sẽ là 3.300.000 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 3.300.000 đồng : 5,4 = 611.100 đồng, số tiền sẽ thu lời bất chính là 3.300.000 đồng - 611.100 đồng = 2.688.900 đồng.

3. Người vay là anh Lê Thanh T, sinh ngày 09/9/2006, trú tại thôn N, xã T1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 17/5/2024, Lê Thanh T mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, gắn BKS: 89F1 - 382.30 của chị Nguyễn Thị P, sinh năm 2000, ở cùng thôn để sử dụng. Đến khoảng 15 giờ, ngày 20/5/2024 Tùng điều khiển xe mô tô trên đến cửa hàng cầm đồ của Đỗ Như C cầm cố chiếc xe mô tô để lấy số tiền 6.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000đ/01 ngày. Khi nhận cầm cố, Tùng đưa C giấy đăng ký xe mang tên chị Nguyễn Thị P và căn cước công dân của Tùng và nói khi lấy xe thì sẽ trả tiền gốc và tiền lãi. Đến ngày bị phát hiện 22/5/2024 Tùng vẫn chưa trả tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 22/5/2024 là 60.000 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 60.000 đồng : 9,1 = 6.600 đồng, số tiền sẽ thu lời bất chính là 60.000 đồng - 6.600 đồng = 53.400 đồng.

Như vậy, tổng số tiền C cho chị H, anh C, Tùng vay là 196.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày; 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày. Tổng số tiền lãi C sẽ thu tính đến ngày bị phát hiện (22/5/2024) là 72.090.000 đồng + 3.300.000 đồng + 60.000 đồng = 75.450.000 đồng. Nhưng thực tế, C mới thu được 66.600.000 đồng tiền lãi của chị H.

Ngày 22/5/2024, Đỗ Như C đến Công an huyện Y xin đầu thú và khai nhận hành vi cho vay như nêu trên.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Y khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đỗ Như C. Kết quả khám xét thu giữ đồ vật tài liệu gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu vàng nâu, biển số 89F1 - 382.30 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 89F1-382.30; 01 quyển sổ có bìa màu xanh kích thước (30x21)cm, bên trong có 72 tờ giấy đều in sẵn biểu mẫu giấy biên nhận vay tiền, trong đó có 12 tờ được đánh số thứ tự từ 01 đến 12 đã được ghi nội dung vay tiền có tên Vũ Thị Thu H hoặc Vũ Thị Hà, Nguyễn Thế C và 01 hợp đồng cầm đồ in biểu mẫu phần tên khách hàng Lê Thanh T ghi ngày 20/5/2024; 01 tờ giấy loại giấy lịch, tại mặt sau có ghi các chữ cái và số tự nhiên; 01 Căn cước công dân số 033206004879 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 13/4/2021 cho Lê Thanh

T, sinh ngày: 09/9/2006, HKTT: thôn N, xã T1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 05D800001794/HKD do UBND huyện Y cấp ngày 27/4/2007; 01 Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 73/GCN-CĐ1 do Công an huyện Y cấp ngày 26/12/2018.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Y trưng cầu giám định đối với một số giấy tờ thu giữ tại nhà Đỗ Như C ký hiệu A1, A2, A3 và M1 với chữ ký chữ viết của C ký hiệu M2, chị Vũ Thị Thu H ký hiệu M3,4 và Lê Thanh T ký hiệu M5.

Tại kết luận giám định số: 229/KL-KTHS ngày 04/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: Chữ viết, chữ số trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 (*trừ chữ viết dưới mục: BÊN VAY; chữ viết ghi nội dung: "Cháu lấy thêm 10.000.000" tại tờ số 1 và 10.000.000 tại tờ số 4 trên mẫu cần giám định ký hiệu A1*) so với chữ viết, chữ số của Đỗ Như C trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết ra.

Chữ viết, chữ số có nội dung "Cháu lấy thêm 10.000.000" tại tờ số 1 và 10.000.000 tại tờ số 4 trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết, chữ số của Vũ Thị Thu H trên mẫu cần so sánh ký hiệu M3 do cùng một người viết ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Hà dưới mục: BÊN VAY trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Vũ Thị Thu H trên mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 có phải do cùng một người ký ra hay không.

Chữ ký đứng tên Vũ Thị Hà, Vũ Thị Thu H dưới mục: BÊN VAY trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Vũ Thị Thu H trên mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 do cùng một người ký ra, viết ra.

Chữ ký đứng tên Lê Thanh T dưới mục: ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG (*Người vay tiền*) trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký của Lê Thanh T trên mẫu so sánh ký hiệu M5 do cùng một người ký ra, viết ra.

Đối với 01 xe mô tô Honda Vision màu vàng nâu, biển số 89F1-382.30 và giấy đăng ký, quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Nguyễn Thị P. Tra cứu không có trong cơ sở dữ liệu xe vật chứng. Ngày 22/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả lại chiếc xe mô tô trên và giấy đăng ký xe cho chị P. Chị Phương không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với hành vi Lê Thanh T cầm cố chiếc xe mô tô biển số 89F1-382.30 của chị Nguyễn Thị P. Cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Thanh T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quyết định khởi tố vụ án số 98 ngày 18/7/2024.

Kết quả điều tra, không đủ cơ sở xác định khi nhận cầm cố xe mô tô của Tùng, C biết rõ đó là xe do Tùng chiếm đoạt mà có nên không xử lý.

Quá trình điều tra, Đỗ Như C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

Cáo trạng số 88/CT-VKS-YM ngày 12/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố Đỗ Như C về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo C khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo trình bày đang phải nuôi bố mẹ già yếu, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo. Đề nghị Hội đồi xét xử, tuyên bố: Bị cáo Đỗ Như C phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; điểm b, khoản 1 Điều 32; Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Như C từ 60.000.000 đồng đến 65.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước. Truy thu số tiền gốc bị cáo C đã nhận lại của anh Tùng 60 triệu đồng và lãi 20% đã thu, truy thu của chị H 130 triệu đồng, của cháu T số tiền 6 triệu đồng. Ngoài ra, Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Xét thấy những người trên đã được triệu tập hợp lệ, tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ. Căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Điều tra - Công an huyện Y và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám xét; vật chứng thu giữ; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, của người làm chứng; sổ ghi chép các khoản vay; kết luận giám định về chữ viết, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ xác định:

Với động cơ vụ lợi: Trong khoảng thời gian từ ngày 27/9/2023 đến ngày 22/5/2024, tại thôn Y, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, Đỗ Như C đã có hành vi sử dụng số tiền 196.000.000 đồng, cho vay với lãi suất từ 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày đến 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày, tương đương lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm, cao hơn gấp 5,4 lần đến 9,1 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tính đến ngày bị phát hiện (ngày 22/5/2024) số tiền lãi sẽ thu là 75.450.000 đồng, tiền thu lời bất chính sẽ là 61.482.300

đồng. Thực tế C mới thu được số tiền lãi là 66.600.000 đồng, trong đó có số tiền thu lời bất chính là 54.266.700 đồng.

Bị cáo Đỗ Như C là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi cho vay với lãi suất gấp 5,4 đến 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lời bất chính thực tế số tiền 54.266.700 đồng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo theo cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. *Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng và trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì động cơ vụ lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[5]. *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; sau khi bị phát hiện bị cáo ra đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; bị cáo có bố là ông Đỗ Như Chi được tặng thưởng Huân chương khánh chiến. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng quy định tại s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[5]. *Quyết định hình phạt*: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bị cáo; trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y là có căn cứ.

[6]. *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. *Về trách nhiệm dân sự*: Trong khoảng thời gian từ ngày 27/9/2023 đến ngày 20/4/2024, Đỗ Như C cho vay lãi nặng thu lãi suất vượt quá 20%/năm, thu lợi thực tế tổng số tiền là 66.600.000 đồng, trong đó thu lời bất chính 54.266.700 đồng: Kết quả điều tra xác định người vay tiền của bị cáo đều không dùng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp, bị cáo đã trả lại chị Vũ Thị Thu H số tiền trên, đến nay các bên không có yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8]. *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:*

- Đối với khoản tiền lãi 20%/năm thực tế bị cáo đã nhận được từ người vay tương ứng với số tiền 12.333.300 đồng, đây là số tiền lãi phát sinh từ hành vi phạm tội nên truy thu của bị cáo sung ngân sách Nhà nước

- Đối với khoản tiền gốc 196.000.000 đồng bị cáo sử dụng để cho vay lãi nặng, được xác định là phương tiện phạm tội nên sẽ truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể, sau khi C bị khởi tố, anh C đã trả bị cáo 60 triệu đồng nên cần truy thu của bị cáo C số tiền trên; đối với số tiền 6.000.000 đồng cháu Lê Thanh T và 130.000.000 đồng chị Vũ Thị Thu H vay đến nay chưa trả bị cáo nên cần truy thu của chị H và cháu T nộp ngân sách Nhà nước..

[9]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; điểm b khoản 1 Điều 32; Điều 35 Bộ luật hình sự.

2. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Như C phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

3. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Như C 65.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

Tiền phạt nộp một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Truy thu, sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Đỗ Như C 72.333.300 đồng (*Bẩy mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng*).

- Truy thu, sung ngân sách Nhà nước của chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1980, hộ khẩu thường trú: Ngách 172, số 63, tổ 41, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: Thôn Y, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*).

- Truy thu, sung ngân sách Nhà nước của cháu Lê Thanh T, sinh ngày 09/9/2006; nơi cư trú: Thôn N, xã T1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Cháu T là người chưa đủ18 tuổi nên trường hợp cháu T không có tài sản để nộp thì cha, mẹ của cháu là anh Lê Văn V và chị Hoàng Thị Phượng phải nộp bằng tài sản của mình.

5. Về án phí: Bị cáo Đỗ Như C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị H, anh C, cháu T, anh V và chị P đại diện hợp

pháp của cháu T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Chi cục THA DS huyện Y;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thu Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thu Hương